

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HẢI LĂNG
TỈNH QUẢNG TRỊ**

Bản án số: 03/2021/HNGĐ-ST
Ngày 05/02/2021
“Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI LĂNG, TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Khánh

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lê Thị Thu Hòa

Ông Phạm Quang

Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim Hưng – Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Lăng: Bà Nguyễn Thị Lan Hương
– Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hải Lăng, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 95/2020/TLST- HNGĐ ngày 06/10/2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Phương L, sinh năm 1998. Địa chỉ: Thôn L, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn P, sinh năm 1987. Địa chỉ: Thôn T, xã H, huyện H, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 01-10-2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn chị Lê Thị Phương L trình bày:

Chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn năm 2017 tại UBND xã H (nay là xã H H), huyện H, tỉnh Quảng Trị. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung với bố mẹ đẻ chị L. Chị L và anh P chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến cuối năm 2019 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không hợp. Do mâu thuẫn trầm trọng nên chị L và anh P

đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 8/2020 đến nay. Chị L xác định không còn tình cảm với anh P nên yêu cầu được ly hôn.

Về nuôi con chung: Chị L và anh P có một con chung là cháu Nguyễn Lê Hoài N, sinh ngày 04/6/2018. Chị L có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3-2021 cho đến khi cháu N đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung nên chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 03/11/2020 và quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn anh Nguyễn Văn P trình bày: Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, thời gian vợ chồng ly thân như chị L đã trình bày anh P công nhận là đúng. Anh P thừa nhận, quá trình chung sống, vợ chồng tuy có xảy ra mâu thuẫn nhưng không đến mức trầm trọng. Mặc dù vợ chồng đã ly thân từ tháng 8/2020 cho đến nay nhưng do anh P vẫn còn tình cảm với chị L nên xin được đoàn tụ gia đình. Tuy nhiên, nếu chị L kiên quyết ly hôn thì anh P cũng đồng ý. Tại phiên tòa, anh P có nguyện vọng đoàn tụ gia đình.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn P xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị L trình bày là đúng. Khi ly hôn, anh P có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N và không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh P xác định vợ chồng không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 28, 35, 39, 97, 177, 195, 196, 203, 208, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự, cụ thể: Xác định đúng quan hệ tranh chấp và tư cách của người tham gia tố tụng, thực hiện việc tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo các phiên hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, triệu tập đương sự đến phiên tòa, tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân cũng như điều kiện nuôi con của các đương sự đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; tuân thủ quy định của pháp luật về thời hạn thụ lý vụ án, thời hạn chuẩn bị xét xử, thực hiện việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng thời hạn luật định.

Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

Nguyên đơn chị Lê Thị Phương L và bị đơn anh Nguyễn Văn P đã thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện, cho chị Lê Thị Phương L được ly hôn với anh Nguyễn Văn P. Về con chung: Đề nghị giao cháu Nguyễn Lê Hoài N, sinh ngày 04/6/2018 cho chị Lê Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng. Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Sau khi xem xét yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Quảng Trị.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, đúng trình tự thủ tục tố tụng cho nguyên đơn và bị đơn, các bên đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp tại UBND xã H (nay là xã H H), huyện H, tỉnh Quảng Trị vào năm 2017. Quá trình chung sống, vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hòa hợp. Chị L và anh P đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ tình cảm, trách nhiệm từ tháng 8/2020 đến nay. Tại biên bản xác minh ngày 09/11/2020 với Hội liên hiệp phụ nữ xã H và Biên bản làm việc với hai gia đình thể hiện: Chị L và anh P sau khi kết hôn thì sống chung tại nhà bố mẹ đẻ chị L. Khoảng tháng 8/2020, anh P bồng con về nhà bố, mẹ đẻ ở, vợ chồng không sống chung với nhau từ đó cho đến nay. Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Văn P xin được đoàn tụ gia đình nhưng chị L không nhất trí, giữ yêu cầu xin được ly hôn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị L và anh P ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Phương L là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung: Chị Lê Thị Phương L và anh Nguyễn Văn P có một con chung là cháu Nguyễn Lê Hoài N, sinh ngày 04-6-2018. Chị L và anh P đều có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N, chị L yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 1.000.000đồng, anh P không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng nuôi con. Hội

đồng xét xử thấy rằng: Cả chị L và anh P đều có việc làm và thu nhập ổn định; nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung của cả chị L và anh P đều chính đáng. Tuy nhiên, cháu Nguyễn Lê Hoài N, sinh ngày 04-6-2018 đến nay chưa được 03 tuổi. Tại biên bản xác minh ngày 09-11-2020, Hội liên hiệp phụ nữ xã H đề nghị Tòa án xem xét đến quyền lợi của phụ nữ và trẻ em vì hiện nay cháu N còn quá nhỏ, cần sự chăm sóc của người mẹ hơn. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19-01-2021, ông Lê Đức B là bố đẻ của chị L ý kiến: Sau khi anh P bỏ cháu Nam lên nhà bố mẹ đẻ anh P ở thì chị L có đến trường để thăm cháu, nếu chị L được nuôi cháu N thì gia đình sẽ tạo điều kiện cho chị L và cháu N sinh sống tại nhà. Tại biên bản xác minh ngày 20-01-2021, bà Nguyễn Thị H là giáo viên chủ nhiệm lớp cháu N cho biết: Cháu N hiện học lớp trẻ từ 25 đến 36 tháng tuổi, chị L thỉnh thoảng có đến thăm cháu tại trường, điều này chứng tỏ chị L vẫn yêu thương và có trách nhiệm với cháu N. Tại biên bản xác minh ngày 26-01-2021, đại diện trường Tiểu học và Trung học cơ sở xã H và Trường THPT Trần Thị T cung cấp: Anh Nguyễn Văn P là huấn luyện viên dạy môn võ thuật tại các trường trên, thời gian dạy mỗi trường khoảng từ 16 đến 20 giờ, dạy cả hai trường là kín các ngày trong tuần. Ngoài ra, anh P còn trình bày: Ngoài việc dạy võ thuật, anh P còn làm nghề thợ xây để kiếm thêm thu nhập.

Như vậy, với các công việc anh P thực hiện thì thời gian chăm sóc con sẽ bị hạn chế. Trong khi đó, chị L làm nghề tạo mẫu tóc ngay trong khuôn viên nhà bố mẹ đẻ nên có thời gian chăm con hơn. Mặt khác, hiện nay cháu N chưa đủ 36 tháng tuổi nên cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Trên cơ sở xem xét điều kiện, hoàn cảnh thực tế của các bên; để đảm bảo sự phát triển toàn diện về tâm sinh lý của con chung, xét cần giao cháu Nguyễn Lê Hoài N cho chị Lê Thị Phương L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Do anh P có công việc và thu nhập ổn định, nên cần chấp nhận yêu cầu của chị L, buộc anh P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng kể từ tháng 3-2021 cho đến khi cháu N thành niên.

[5] Về tài sản chung, nghĩa vụ chung về tài sản: Chị L và anh P không có tài sản chung, không phải thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Lê Thị Phương L phải nộp án phí ly hôn; anh Nguyễn Văn P phải chịu án phí cấp dưỡng theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị Phương L được ly hôn anh Nguyễn Văn P.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Lê Hoài N sinh ngày 04-6-2018 cho chị Lê Thị Phương L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Nguyễn Văn P cấp dưỡng nuôi con 1.000.000đ (một triệu đồng)/tháng kể từ tháng 3-2021 cho đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Anh P được quyền thăm nom con chung không trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không được lạm dụng việc thăm con để gây cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc nuôi dưỡng con. Anh P có nghĩa vụ bàn giao cháu N cho chị L nuôi dưỡng.

3. Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về án phí: Chị Lê Thị Phương L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai số 0002215 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Lăng, chị L đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh Nguyễn Văn P phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND H;
- UBND xã H;
- Đường sự;
- THADS H;
- Lưu hồ sơ, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thanh Khánh

